

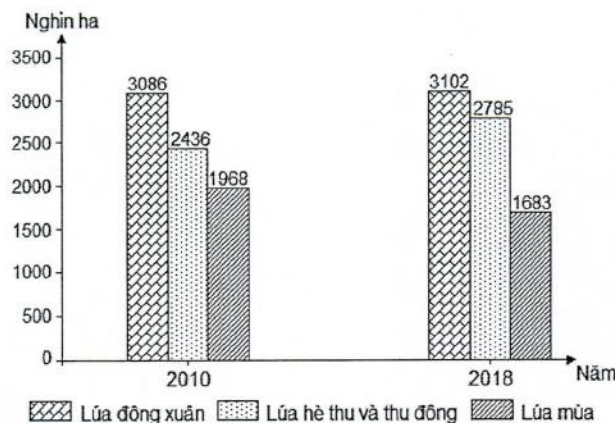


Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

- Câu 41:** Việc khai thác gỗ ở nước ta chỉ được tiến hành ở
A. rừng sản xuất. B. rừng phòng hộ. C. các khu bảo tồn. D. vườn quốc gia.
- Câu 42:** Mưa bão ở nước ta thường gây ra
A. rét hại. B. ngập lụt. C. sương muối. D. tuyết rơi.
- Câu 43:** Nơi nào sau đây thuận lợi để nuôi thủy sản nước ngọt ở nước ta?
A. Bãi triều. B. Sông suối. C. Vịnh biển. D. Đầm phá.
- Câu 44:** Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt ở nước ta?
A. Gạo, ngô. B. Sữa, bơ. C. Thịt hộp. D. Nước mắm.
- Câu 45:** Vùng đồi trước núi ở Bắc Trung Bộ có thể mạnh về
A. chăn nuôi trâu và bò. B. trồng cây lương thực. C. nuôi lợn và gia cầm. D. nuôi tôm, cá nước lợ.
- Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?
A. Sóc Trăng. B. Hậu Giang. C. Đồng Tháp. D. An Giang.
- Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?
A. Sông Cà. B. Sông Ba. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Thái Bình.
- Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?
A. Nam Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Nguyên.
- Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?
A. Phu Luông. B. Tam Đảo. C. Pu Trà. D. Phanxipăng.
- Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?
A. Thanh Hóa. B. Vinh. C. Huế. D. Quy Nhơn.
- Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất trong các tỉnh sau đây?
A. Lạng Sơn. B. Bắc Kạn. C. Thái Nguyên. D. Vĩnh Phúc.
- Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?
A. Hưng Yên. B. Cẩm Phả. C. Thanh Hóa. D. Vinh.
- Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?
A. Cao Bằng. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Hạ Long.
- Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.
- Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?
A. Bình Thuận. B. Ninh Thuận. C. Phú Yên. D. Khánh Hòa.
- Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?
A. Xa Mát. B. Đồng Tháp. C. An Giang. D. Hà Tiên.

- Câu 57:** Thế mạnh nông nghiệp nhiệt đới ở trung du và miền núi nước ta là
- A. cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn. B. chăn nuôi gia cầm, cây lương thực.
 C. cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản. D. nuôi trồng thủy sản, cây dược liệu.
- Câu 58:** Phát biểu nào sau đây đúng về ngành viễn thông nước ta hiện nay?
- A. Tốc độ phát triển rất nhanh. B. Các công nghệ còn hạn chế.
 C. Thừa lao động kỹ thuật cao. D. Phát triển nhất ở miền núi.
- Câu 59:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngoại thương nước ta hiện nay?
- A. Thị trường buôn bán được mở rộng. B. Kim ngạch xuất khẩu liên tục tăng.
 C. Hàng hóa phong phú và đa dạng. D. Chủ yếu nhập khẩu hàng tiêu dùng.
- Câu 60:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Trung du và miền núi Bắc Bộ?
- A. Diện tích rộng lớn nhất cả nước. B. Có nhiều vịnh biển và đầm phá.
 C. Biên giới chung với hai quốc gia. D. Nhiều khoáng sản trữ lượng lớn.
- Câu 61:** Thuận lợi của Duyên hải Nam Trung Bộ đối với phát triển dịch vụ hàng hải là
- A. bờ biển dài, có các vịnh nước sâu. B. có vùng biển rộng và các đầm phá.
 C. nhiều cửa sông và những bãi triều. D. có những bãi cát rộng, đảo ven bờ.
- Câu 62:** Tiềm năng to lớn của Tây Nguyên để phát triển cây công nghiệp lâu năm là
- A. đất badan và khí hậu cận xích đạo. B. nhiều sông suối và cánh rừng rộng.
 C. nhiều cao nguyên và núi đồi thấp. D. hai mùa mưa khô và giống cây tốt.
- Câu 63:** Biện pháp cần thực hiện để phát triển lâm nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là
- A. xây dựng các công trình thủy lợi. B. thay đổi cơ cấu cây công nghiệp.
 C. phát triển diện tích rừng ngập mặn. D. mở rộng thêm diện tích đất trồng.
- Câu 64:** Khó khăn đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. diện tích rộng lớn, địa hình thấp. B. mùa khô kéo dài, thiếu nước ngọt.
 C. bề mặt bị cắt xẻ, nhiều kênh rạch. D. nhiều loại đất, đường bờ biển dài.
- Câu 65:** Việc nâng cấp các cảng biển ở nước ta chủ yếu nhằm
- A. nâng cao năng lực vận chuyển. B. giải quyết việc làm cho dân cư.
 C. giúp mở rộng khu công nghiệp. D. phục vụ khai thác khoáng sản.
- Câu 66:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng về thủy điện của nước ta?
- A. Có nhiều nhà máy khác nhau. B. Nhà máy lớn nhất ở Tây Bắc.
 C. Phân bố nhiều nơi ở vùng núi. D. Tập trung chủ yếu ở Nam Bộ.
- Câu 67:** Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018
 (Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

- Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta năm 2018 so với năm 2010?
- A. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng. B. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.
 C. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng. D. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng.

Câu 68: Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2018

(Đơn vị: %)

| Quốc gia | In-đô-nê-xi-a | Phi-lip-pin | Mi-an-ma | Thái Lan |
|------------|---------------|-------------|----------|----------|
| Tỉ lệ sinh | 19 | 21 | 18 | 11 |
| Tỉ lệ tử | 7 | 6 | 8 | 8 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ tăng tự nhiên năm 2018 của một số quốc gia?

- A. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.
 B. Mi-an-ma cao hơn In-đô-nê-xi-a.
 C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.
 D. Phi-lip-pin cao hơn Thái Lan.

Câu 69: Nước ta có đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới do

- A. nằm hoàn toàn ở trong vùng nội chí tuyến.
 B. chịu tác động thường xuyên của Tín phong.
 C. ở khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.
 D. giáp Biển Đông thông ra Thái Bình Dương.

Câu 70: Diện tích rừng ngập mặn nước ta bị thu hẹp chủ yếu do tác động của

- A. bờ biển sạt lở, môi trường nước ô nhiễm.
 B. cháy rừng, phát triển nuôi trồng thủy sản.
 C. biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng.
 D. đẩy mạnh hoạt động du lịch, ít trồng rừng.

Câu 71: Sự khác nhau về mùa khí hậu giữa sườn Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. các loại gió và dãy Trường Sơn Nam.
 B. dải hội tụ nhiệt đới và các cao nguyên.
 C. bão và các đồng bằng nhỏ hẹp ven biển.
 D. Tín phong bán cầu Bắc và các đỉnh núi.

Câu 72: Dân cư nước ta phân bố chưa hợp lí chủ yếu do tác động của

- A. vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, tài nguyên.
 B. quá trình định cư, trình độ dân trí, số dân.
 C. sự phát triển kinh tế, các nhân tố tự nhiên.
 D. các nhân tố về xã hội, cơ cấu nền kinh tế.

Câu 73: Tỉ lệ thất nghiệp ở nước ta hiện nay vẫn còn cao chủ yếu do

- A. lao động tăng, kinh tế còn chậm phát triển.
 B. đô thị mở rộng, đất nông nghiệp bị thu hẹp.
 C. lao động kĩ thuật ít, công nghiệp còn hạn chế.
 D. dân cư nông thôn đông, ít hoạt động dịch vụ.

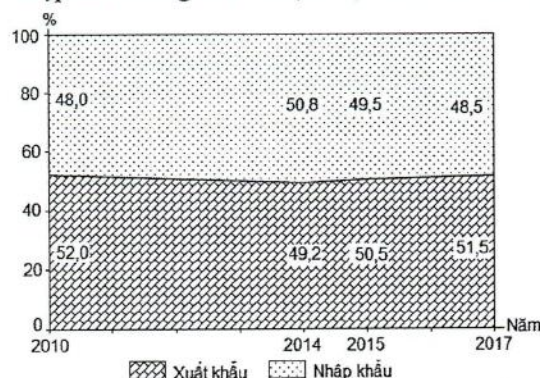
Câu 74: Quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra chưa nhanh chủ yếu do

- A. các hoạt động phi nông nghiệp còn yếu.
 B. công nghiệp hóa phát triển còn chậm.
 C. lao động nông nghiệp vẫn còn tỉ lệ lớn.
 D. chịu ảnh hưởng lâu dài của chiến tranh.

Câu 75: Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta chuyển biến rõ rệt chủ yếu do

- A. chuyển sang nền kinh tế thị trường.
 B. thúc đẩy sự phát triển công nghiệp.
 C. lao động dồi dào và tăng hàng năm.
 D. tăng trưởng kinh tế gần đây nhanh.

Câu 76: Cho biểu đồ về xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2010 - 2017:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ.
 B. Quy mô và cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ.
 C. Chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ.
 D. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ.

Câu 77: Đặc điểm nào sau đây của địa hình nước ta tạo thuận lợi chủ yếu cho phát triển thủy điện?

- A. Đồi núi thấp và đồng bằng chiếm nhiều diện tích.
- B. Cấu trúc cổ được trẻ lại, phân bậc rõ theo độ cao.
- C. Hướng núi chính tây bắc - đông nam, vòng cung.
- D. Biểu hiện nhiệt đới ẩm gió mùa, bị cắt xẻ nhiều.

Câu 78: Sự hình thành gió phơn Tây Nam ở các đồng bằng ven biển miền Trung nước ta là do tác động kết hợp của

- A. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Trường Sơn.
- B. gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và dãy Trường Sơn.
- C. địa hình núi đồi kéo dài ở phía tây và Tín phong bán cầu Bắc.
- D. lãnh thổ hẹp ngang và hoạt động của các loại gió vào mùa hạ.

Câu 79: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đai ôn đới gió mùa trên núi do

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông nhiệt độ hạ thấp.
- B. ở gần khu vực ngoại chí tuyến có cả khí hậu cận nhiệt và ôn đới.
- C. có những núi trên 2600m tập trung nhiều ở dãy Hoàng Liên Sơn.
- D. có các loài động, thực vật ôn đới từ phía Bắc di lưu và di cư đến.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

(Đơn vị: Nghìn tấn)

| Năm | Cá nuôi | Tôm nuôi | Thủy sản khác |
|------|---------|----------|---------------|
| 2010 | 2101,6 | 449,7 | 177,0 |
| 2018 | 2918,7 | 809,7 | 433,4 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2010 và năm 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Tròn.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

